TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ RIỀNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆTNAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30/11/2019
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Khách

Bà Trần Thị Thanh Miên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Xuân Giáp - Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 291/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **15**/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16a/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thiên N, sinh năm 1995. Có mặt

Bị đơn: Ông Đỗ Trọng N, sinh năm 1993. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Thiên N trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đỗ Trọng N xây dựng gia đình với nhau vào tháng 02/2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã P, thị xã P, tỉnh Bình Phước ngày 26/02/2016. Cuộc sống chung vợ chồng chỉ hạnh phúc được 03 tháng đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông N nghiện chơi game, không chịu làm ăn, không phụ giúp bà chăm sóc con cái. Bà đã khuyên bảo ông N nhiều lần nhưng ông N không thay đổi. Để có

tiền chơi game, ông N đã nhiều lần lừa bà bán vàng cưới, cầm cố xe máy, nhiều lần bà phải bỏ tiền ra chuộc xe về. Do đó, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên lục đục cãi nhau. Tháng 4/2018 vợ chồng bà ly thân nhau 01 tháng sau đó quay về với nhau vì con. Nhưng cuộc sống chung vợ chồng sau khi quay về cũng không có hạnh phúc nên vợ chồng bà lại sống ly thân nhau từ cuối tháng 8/2019 đến nay. Vợ chồng sống mỗi người một nơi, bà đưa con về sống với bố mẹ đẻ tại thị xã P. Từ khi sống ly thân nhau, ông N chưa lần nào gọi điện hay đến thăm con. Đến nay tình cảm của bà giành cho ông N không còn do vợ chồng mâu thuẫn đã lâu, ông N nhiều lần làm tổn thương bà, không cho bà niềm tin khi chung sống với nhau và bản thân ông N cũng không thiết tha gì đến vợ con. Do đó, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà đượcly hôn với ông N.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Vợ chồng bà có 01 con chung là Đỗ Thiên L, sinh ngày 23/01/2017. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn cho vợ chồng bà, bà đề nghị được nuôi dưỡng cháu Đỗ Thiên L và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Đỗ Trọng N trình bày:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông N vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không lấy được lời khai của ông N.

- Tại biên bản xác minh ngày 10/10/2019, Đại diện Ủy ban nhân dân xã L cung cấp như sau: Ông Đỗ Trọng N và bà Lê Thị Thiên N là vợ chồng hợp pháp từ năm 2016 và sinh sống với nhau tại địa phương. Trong quá trình chung sống tại địa phương ông N, bà N thời gian đầu chung sống không xảy ra mâu thuẫn gì nhưng đến tháng 9 năm 2019 thì vợ chồng ông N, bà N bắt đầu phát sinh mẫu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì thôn xóm không nắm rõ nhưng từ thời gian đó cho đến nay vợ chồng bà N, ông N không còn chung sống với nhau nữa.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho nguyên đơn bà Lê Thị Thiên N được ly hôn với bị đơn ông Đỗ Trọng N.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn bà Lê Thị Thiên N làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Đỗ Trọng N theo quy định tại Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn ông Đỗ Trọng N có nơi cư trú tại thôn 1, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Riềng. Tại phiên tòa bị đơn ông Đỗ Trọng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông N vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông N theo quy định Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

[2] *Về nội dung*: Bà N và ông N tự nguyện chung sống và xây dựng gia đình với nhau vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã P, tỉnh Bình Phước vào ngày 29/02/2016. Quá trình chung sống đến tháng 8 năm 2019 vợ chồng bà Lê Thị Thiên N và ông Đỗ Trọng N phát sinh mâu thuẫn, trong quá trình giải quyết vụ án và qua xác minh tình trạng hôn nhân của ông N và bà N tại địa phương cho thấy nguyên nhân mâu thuẫn như lời trình bày của bà N, mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành phân tích, giải thích, động viên, khuyên nhủ bà N nhưng bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân của bà Lê Thị Thiên N và ông Đỗ Trọng N không hạnh phúc, vợ chồng không còn chung sống với nhau, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy việc yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Thiên N đối với ông Đỗ Trọng N là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Bà N và ông N có 01 con chung là Đỗ Thiên L, sinh ngày 23/01/2017. Khi ly hôn, bà N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, từ khi bà N, ông N sống ly thân nhau, cháu Long ở với bà N. Mặt khác, cháu Long đang còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ và sự ổn định của cháu khi ở với bà N. Do đó, cần giao con chung tên là Đỗ Thiên L, sinh ngày 23/01/2017 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ông N

không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, N vụ đi lại thăm nom con là phù hợp.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có nên HĐXX không xem xét giir quyết.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội Đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thiên N.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Lê Thị Thiên N được ly hôn với ông Đỗ Trọng N

2/ Về con chung: Giao cho bà Lê Thị Thiên N trực tiếp nuôi con chung là Đỗ Thiên L, sinh ngày 23/01/2017. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, ông N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở ông N thực hiện quyền này. Vì lợi ích mọi mặt của cháu L, ông N, bà N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Thiên N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* bà Lê Thị Thiên N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 027234 ngày 05/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *VKSND H. Phú Riềng;*
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *Chi cục THADS H. P;*
- *UBND xã L;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Hải